

DANH SÁCH KHÓA HỌC TỰ NHIÊN

Học kỳ 3 Năm học: 2015-2016

Cao đẳng Công nghệ (CN), ngành, khóa 2013 - 2016

Mã ngành; Mã lớp K13743; Mã TC: TNK13743

Số Tổng Credit Lý Thuyết 115

Số Credit Thực Hành Lý Thuyết 5.00

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	STC	TBTL	Mã MHBB	Tên môn học	TC	BBTC	NHHK	ĐTK
1	13743030	PHẦN M NGUYỄN	AN	K13743	97	6.95	MATH130101	Toán cao cấp A1	3		2013-2014-HK01	2.9
							MATH130201	Toán cao cấp A2	3		2014-2015-HK02	4.8
							MMAT431525	Công nghệ chế tạo máy	3		2015-2016-HK02	4.2
							PHYS130102	Vật lý Lượng tử 1	3		2013-2014-HK02	4.0
							STMA230521	Số học và đại số	3		2015-2016-HK02	2.5
							THME230721	Chuyển động	3		2014-2015-HK01	3.9
							TMMP210220	Nguyên lý chi tiết máy	1		2014-2015-HK02	0.0
2	13743032	HOÀNG TH	ANH	K13743	101	6.37	MMAT431525	Công nghệ chế tạo máy	3		2015-2016-HK02	3.5
							PHYS120202	Vật lý Lượng tử 2	2		2014-2015-HK01	2.3

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	STC	TBTL	Mã MHBB	Tên môn học	TC	BBTC	NHHK	Điểm TK
2	13743032	HOANG THE	ANH	K13743	101	6.37	STMA230521	Số học và đại số	3		2015-2016-HK02	3.2
							STOG331060	Chuyên đề thực nghiệm 1	3		2015-2016-HK02	3.3
							VBPR131085	Lập trình Visual Basic	3		2013-2014-HK01	4.4
3	13743001	NGUYEN VINH	BIEN	K13743	81	6.32	ENMA220126	Đại số hình học	2		2015-2016-HK02	3.5
							FMMT330825	Chức năng nghiên cứu thực nghiệm	3		2015-2016-HK01	1.0
							MMAT431525	Công nghệ chế tạo máy	3		2015-2016-HK02	0.0
							MTNC340925	Máy và hệ thống lái khi lái xe	4		2015-2016-HK01	1.5
							PHYS120202	Vật lý Lượng tử 2	2		2014-2015-HK01	3.3
							PHYS130102	Vật lý Lượng tử 1	3		2015-2016-HK01	4.8
							PMMT411625	Năng suất Công nghệ chế tạo máy	1		2015-2016-HK02	0.0
							STMA230521	Số học và đại số	3		2015-2016-HK02	2.5
							STOG321160	Chuyên đề thực nghiệm 2	2		2015-2016-HK02	0.5
							THME230721	Chế độ thủy lực	3		2014-2015-HK01	2.8

STT	Mã SV	H v t n		T n l p	STC	TBTL	Mã MHBB	T n m n h c	TC	BBTC	NHHK	n TK
3	13743001	NGUY w N V t N	BIÊN	K13743	81	6.32	TMMP21022 0	n n nguy n l chi ti m sy	1		2014- 2015- HK02	0.0
							TMMP23022 0	Nguy n l - Chi ti m sy	3		2015- 2016- HK02	2.8
							03	Nhóm TC 03		03		
							05	Nhóm TC 05T		05		
4	13743034	PH y M V t N	Cũ NH	K13743	112	6.96	MMAT43152 5	C ng ngh ch Jt b m sy	3		2015- 2016- HK02	4.5
5	13743035	PHAN M y NH	Ch ` NG	K13743	77	6.65	ENMA22012 6	V d t l i u h c	2		-	0.0
							FMMT33082 5	Ch s c ng ngh ch Jt b m sy	3		2015- 2016- HK01	1.0
							MMAT43152 5	C ng ngh ch Jt b m sy	3		-	0.0
							MTNC340925	M sy v h th ng Li Q khi M s	4		2015- 2016- HK01	1.0
							PHYS120202	V d t l l L i c ng 2	2		2015- 2016- HK01	4.8
							PMMT41162 5	n n C ng ngh ch Jt b m sy	1		-	0.0
							STMA230521	S c b Q v d t l i u	3		-	0.0
							STOG321160	Chuy n L Q t t nghi p 2	2		-	0.0
							STOG331060	Chuy n L Q t t nghi p 1	3		-	0.0
							TMMP21022 0	n n nguy n l chi ti m sy	1		2014- 2015- HK02	0.0
							TMMP23022 0	Nguy n l - Chi ti m sy	3		-	0.0
							02	Nhóm TC 02		02		
							03	Nhóm TC 03		03		
							05	Nhóm TC 05T		05		

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	STC	TBTL	Mã MHBB	Tên môn học	TC	BBTC	NHHK	ĐTK
5	13743035	PHAN Mỹ NH	Ch` NG	K13743	77	6.65	06	Nhóm TC 06T		06		
6	13743002	Đh ư NG MINH	CHÍ	K13743	106	6.82	MMAT43152 5	C¹ ng ngh¹ chJtỦ mşy	3		2015-2016-HK02	4.1
							THME230721	Chỉ lý thuyJt	3		2015-2016-HK01	4.2
							05	Nhóm TC 05T		05		
7	13743037	Đ ư NG MINH	CHÍ	K13743	52	6.73	CACC320260	CAD/CAM-CNC	2		2015-2016-HK01	2.8
							ENMA22012 6	Vđt lí u h` c	2		2015-2016-HK02	4.0
							FMMT33082 5	Ch s¹ c¹ ng ngh¹ chJtỦ mşy	3		-	0.0
							MATH130101	Toşn cao cỦp A1	3		2013-2014-HK01	0.6
							MATH130201	Toşn cao cỦp A2	3		2013-2014-HK01	0.6
							MATH130401	Xşc suđĩ th¹ ng k° ² ng đ, ng	3		2013-2014-HK02	0.0
							METE330126	C¹ ng ngh¹ kim loỦ	3		2014-2015-HK02	4.5
							MMAT43152 5	C¹ ng ngh¹ chJtỦ mşy	3		-	0.0
							MTNC340925	Mşy v² h¹ th¹ ng Lí Q khi Vĩ s¹	4		-	0.0
							PHED110513	Gişo đ, c thVchỦ 1	1		2013-2014-HK01	1.5
							PHED110613	Gişo đ, c thVchỦ 2	1		-	0.0
							PHED110715	Gişo đ, c thVchỦ 3	1		-	0.0
							PHYS120202	Vđt lí Ủ c ² ng 2	2		2013-2014-HK02	4.0

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	STC	TBTL	Mã MHBB	Tên môn học	TC	BBTC	NHHK	Điểm TK
7	13743037	Nguyễn Minh	Chí	K13743	52	6.73	PHYS130102	Vật lý Lượng tử 1	3		2013-2014-HK02	3.7
							PMMP411625	Ứng dụng công nghệ chiếu sáng	1		-	0.0
							STMA230521	Số học và lý số	3		-	0.0
							STOG321160	Chuyên đề Q&A phần 2	2		-	0.0
							STOG331060	Chuyên đề Q&A phần 1	3		-	0.0
							THME230721	Chứng minh	3		2014-2015-HK01	1.1
							TMMP210220	Ứng dụng nguyên lý chi tiêu	1		2014-2015-HK02	0.0
							TMMP230220	Nguyên lý - Chi tiêu	3		2015-2016-HK02	2.5
							VBPR131085	Lập trình Visual Basic	3		2013-2014-HK01	2.7
							02	Nhóm TC 02		02		
							05	Nhóm TC 05T		05		
							06	Nhóm TC 06T		06		
8	13743024	Lê Thái	Dân	K13743	73	6.54	MMAT431525	Công nghệ chiếu sáng	3		2015-2016-HK02	0.5
							MTNC340925	Máy và hệ thống lọc khí	4		2015-2016-HK01	2.3
							PHYS120202	Vật lý Lượng tử 2	2		2014-2015-HK01	3.3
							PHYS130102	Vật lý Lượng tử 1	3		2014-2015-HK02	4.0

STT	Mã SV	H v t n		T n l p	STC	TBTL	Mã MHBB	T n m n h c	TC	BBTC	NHHK	n TK
8	13743024	LÊ THÁI	DÂN	K13743	73	6.54	PMMT411625	n n C ng ngh ch/Jt b m sy	1		2015-2016-HK02	0.0
							STMA230521	S c bQ v l u	3		2015-2016-HK02	3.6
							STOG321160	Chuy n LQt t nghi p 2	2		2015-2016-HK02	3.8
							THME230721	Ch l thuy t	3		2014-2015-HK01	2.6
							TMMP210220	n n nguy n l chi ti t m sy	1		2014-2015-HK02	4.5
							TMMP230220	Nguy n l - Chi ti t m sy	3		2014-2015-HK02	4.8
							VBPR131085	L p tr nh Visual Basic	3		2013-2014-HK01	4.7
							CACC320260	CAD/CAM-CNC	2		2015-2016-HK01	4.3
							ENMA220126	V t l u h c	2		2015-2016-HK02	4.9
							FMMT330825	Ch s c ng ngh ch/Jt b m sy	3		2015-2016-HK01	1.3
							MATH130201	To n cao c p A2	3		2013-2014-HK01	4.8
							03	Nhóm TC 03		03		
							05	Nhóm TC 05T		05		
9	13743039	DI P NG C	DIÊN	K13743	88	6.34	FMMT330825	Ch s c ng ngh ch/Jt b m sy	3		2015-2016-HK02	3.5

STT	Mã SV	H v t n		T n l p	STC	TBTL	Mã MHBB	T n m n h c	TC	BBTC	NHHK	n TK
9	13743039	ĐI P NG C	DIÊN	K13743	88	6.34	MATH130201	To n cao c p A2	3		2013-2014-HK01	4.3
							MMAT431525	C ng ngh ch/Jt b m y	3		2015-2016-HK02	1.3
							PMMT411625	n n C ng ngh ch/Jt b m y	1		2015-2016-HK02	0.0
							STMA230521	S c b n v t l u	3		2014-2015-HK02	2.5
							STOG321160	Chuy n L Q t t nghi p 2	2		2015-2016-HK02	2.0
							THME230721	Ch l thuy t	3		2015-2016-HK02	4.3
							TMMP210220	n n nguy n l chi ti t m y	1		2014-2015-HK02	0.0
							VBPR131085	L p tr nh Visual Basic	3		2013-2014-HK01	3.8
							02	Nhóm TC 02		02		
							05	Nhóm TC 05T		05		
10	13743006	PH y M THI q N	n NH	K13743	69	6.49	CACC320260	CAD/CAM-CNC	2		2015-2016-HK01	2.8
							FMMT330825	Ch s c ng ngh ch/Jt b m y	3		2015-2016-HK01	3.3
							MATH130101	To n cao c p A1	3		2015-2016-HK01	3.3
							MMAT431525	C ng ngh ch/Jt b m y	3		2015-2016-HK02	1.6

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	STC	TBTL	Mã MHBB	Tên môn học	TC	BBTC	NHHK	Điểm TK
10	13743006	PHỖ M THỊ LÂN	Đ. NH	K13743	69	6.49	MTNC340925	Môn Vật lý khi Vật lý	4		2015-2016-HK01	3.8
							PHYS110302	Thuyết tương đối và Điện từ trường	1		2014-2015-HK01	4.8
							PHYS120202	Vật lý Điện trường 2	2		2014-2015-HK01	2.8
							PHYS130102	Vật lý Điện trường 1	3		2014-2015-HK02	4.3
							PMMT411625	Điểm số Công nghệ thông tin môn	1		2015-2016-HK02	0.0
							STMA230521	Số học và Logic	3		-	0.0
							STOG321160	Chuyên đề Toán học 2	2		2015-2016-HK02	3.9
							THME230721	Chuyên đề Toán học	3		2014-2015-HK01	2.5
							TMMP210220	Điểm số chuyên đề Chi tiết môn	1		2014-2015-HK02	0.0
							TMMP230220	Chuyên đề Chi tiết môn	3		-	0.0
							VBPR131085	Lập trình Visual Basic	3		2013-2014-HK01	2.4
							02	Nhóm TC 02		02		
							03	Nhóm TC 03		03		
11	13743026	TRẦN NGUYỄN VĂN	Đ. NG	K13743	110	6.52	MMAT431525	Công nghệ thông tin môn	3		2015-2016-HK02	3.7
							08	Nhóm TC 08		08		

STT	Mã SV	H ̣ ṿ ṭn		Ṭn ḷ p	STC	TBTL	Mã MHBB	Ṭn ṃ ṇ ḥ c	TC	BBTC	NHHK	̣ TK
11	13743026	TRh ̣ NG Ṿt N	̣ h ̣ NG	K13743	110	6.52	STOG321160	Chuỵn ḶQ̣ṭ ṭ nghịp̣ 2	2		2015-2016-HK02	4.0
12	13743045	TRh ̣ NG NG̣ C	GIÀU	K13743	114	6.72	MMAT431525	C̣ ng nghị ch/Jṭḅ ṃsy	3		2015-2016-HK02	3.1
13	13743049	NGUỴẉN TRUNG	HỊ U	K13743	83	6.04	CACC320260	CAD/CAM-CNC	2		2015-2016-HK01	3.5
							FMMT330825	Cḥ ṣ c̣ ng nghị ch/Jṭḅ ṃsy	3		2015-2016-HK01	2.0
							MATH130401	X̣sc̣ sụḷ tḥ ng ḳ ng ḍ ng	3		2013-2014-HK02	2.5
							MMAT431525	C̣ ng nghị ch/Jṭḅ ṃsy	3		2015-2016-HK02	1.2
							MTNC340925	Ṃsy ṿ ḥ tḥ ng LịQ̣ khịẈ ṣ	4		2015-2016-HK01	1.8
							PMMT411625	̣ ọ̀ ̣n C̣ ng nghị ch/Jṭḅ ṃsy	1		2015-2016-HK02	0.0
							STMA230521	Ṣ c̣ ḅQ̣ ṿđ̣ lị u	3		2015-2016-HK02	1.9
							STOG321160	Chuỵn ḶQ̣ṭ ṭ nghịp̣ 2	2		2015-2016-HK02	3.3
							STOG331060	Chuỵn ḶQ̣ṭ ṭ nghịp̣ 1	3		2015-2016-HK02	3.8
							THME230721	Cḥ ḷ thuỵJ̣	3		2014-2015-HK01	3.8
							VBPR131085	Ḷđ̣p̣ tṛnḥ Visual Basic	3		2013-2014-HK01	2.3
							03	Nhóm TC 03		03		
14	13743008	HỤḍ NḤ Ḥ U	HÒA	K13743	56	6.66	CACC320260	CAD/CAM-CNC	2		2015-	1.0

14	13743008	HUỖNH H ỮU	HÒA	K13743	56	6.66	CACC320260	CAD/CAM-CNC	2		2016-HK01	1.0
							ENMA220126	Vật lý u h ớ c	2		2015-2016-HK02	3.0
							FAIN420960	Th ớ c tđp t ớ t nghi ớ p	2		2015-2016-HK02	0.0
							FMMT330825	Ch ớ s ớ c ớ ng nghi ớ ch ớ t ớ b m ớ y	3		2015-2016-HK01	0.5
							MATH130101	To ớ n cao c ớ p A1	3		2015-2016-HK01	3.8
							MATH130201	To ớ n cao c ớ p A2	3		2013-2014-HK01	4.1
							MMAT431525	C ớ ng nghi ớ ch ớ t ớ b m ớ y	3		2015-2016-HK02	0.0
							MTNC340925	M ớ y v ớ h ớ th ớ ng Li ớ khi ớ m ớ s	4		2015-2016-HK01	1.5
							PHED110715	Gi ớ o d ớ c th ớ h ớ i 3	1		2015-2016-HK02	0.0
							PHYS110302	Th ớ nghi ớ m v ớ t li ớ L ớ i c ớ ng	1		2014-2015-HK01	4.8
							PHYS120202	V ớ t li ớ L ớ i c ớ ng 2	2		2014-2015-HK01	4.0
							PMMT411625	Ớ ớ ớ n C ớ ng nghi ớ ch ớ t ớ b m ớ y	1		-	0.0
							STMA230521	S ớ c b ớ v ớ t li ớ u	3		2014-2015-HK02	2.3
							STOG321160	Chuy ớ n L ớ t ớ t nghi ớ p 2	2		-	0.0
							STOG331060	Chuy ớ n L ớ t ớ t nghi ớ p 1	3		2015-2016-HK02	0.0
							THME230721	Ch li ớ thuy ớ t	3		-	0.0

14	13743008	HUỖNH H Ữ	HÒA	K13743	56	6.66	TMMP21022 0	h ỏn nguy ỏn lĩ chi ti ỹ m ỹ	1		2014- 2015-	0.0
							TMMP23022 0	Nguy ỏn lĩ - Chi ti ỹ m ỹ	3		-	0.0
							VBPR131085	L ỏp tr ỏnh Visual Basic	3		2013- 2014- HK01	3.2
							02	Nhóm TC 02		02		
							03	Nhóm TC 03		03		
							05	Nhóm TC 05T		05		
							07	Nhóm TC 07T		07		
							08	Nhóm TC 08		08		
15	13743051	NGUY ỮN DUY	HU ỮN	K13743	103	6.62	CACC320260	CAD/CAM-CNC	2		2015- 2016- HK01	4.3
							FMMT33082 5	Ch s ỏ c ỏ ng ngh ỏ ch ỹ t ỹ m ỹ	3		2015- 2016- HK01	4.8
							MMAT43152 5	C ỏ ng ngh ỏ ch ỹ t ỹ m ỹ	3		2015- 2016- HK02	4.0
							PMMT41162 5	h ỏn C ỏ ng ngh ỏ ch ỹ t ỹ m ỹ	1		2015- 2016- HK02	0.0
							VBPR131085	L ỏp tr ỏnh Visual Basic	3		2015- 2016- HK02	4.8
16	13743053	TR ỹ Ữ Ữ, C	HUY	K13743	103	6.60	FMMT33082 5	Ch s ỏ c ỏ ng ngh ỏ ch ỹ t ỹ m ỹ	3		2015- 2016- HK01	3.5
							MMAT43152 5	C ỏ ng ngh ỏ ch ỹ t ỹ m ỹ	3		2015- 2016- HK02	2.3
							PHYS130102	V ỏt lĩ L ỹ c ỏ ng 1	3		2015- 2016- HK02	3.8
							THME230721	Ch lĩ thuy ỹ	3		2014- 2015- HK01	3.4

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	STC	TBTL	Mã MHBB	Tên môn học	TC	BBTC	NHHK	Điểm TK
16	13743053	TRẦN UNG C	HUY	K13743	103	6.60	TMMP210220	Nguyên lý chi tiết máy	1		2014-2015-HK02	0.0
17	13743052	VĂN NG	HUY	K13743	84	6.67	CACC320260	CAD/CAM-CNC	2		2015-2016-HK01	4.8
							FMMT330825	Chức năng chung chi tiết máy	3		2015-2016-HK01	4.8
							MATH130101	Toán cao cấp A1	3		2014-2015-HK01	4.5
							MATH130201	Toán cao cấp A2	3		2015-2016-HK02	4.2
							MATH130401	Xác suất thống kê ứng dụng	3		2014-2015-HK02	4.8
							MMAT431525	Chức năng chung chi tiết máy	3		2015-2016-HK02	3.3
							PHYS120202	Vật lý Lượng tử 2	2		2014-2015-HK01	3.0
							PHYS130102	Vật lý Lượng tử 1	3		2014-2015-HK02	4.8
							STOG331060	Chuyên đề Kỹ thuật 1	3		2015-2016-HK02	3.3
							TMMP210220	Nguyên lý chi tiết máy	1		2014-2015-HK02	4.5
							VBPR131085	Lập trình Visual Basic	3		2013-2014-HK01	3.6
							05	Nhóm TC 05T		05		
18	13743059	SĐN SĨ I	KLJN	K13743	111	7.18	MMAT431525	Chức năng chung chi tiết máy	3		2015-2016-HK02	4.6

STT	Mã SV	H ̣ ṿ ṭn		Ṭn ḷ p	STC	TBTL	Mã MHBB	Ṭn ṃ ṇ ḥ c	TC	BBTC	NHHK	̣ TK
18	13743059	SđN Ṣ I	KḶN	K13743	111	7.18	PMMT41162 5	̣ ̣ ̣ n C̣ ng ngḥ cḥJṭḅ ṃsy	1		2015- 2016- HK02	0.0
							TMMP21022 0	̣ ̣ ̣ n nguỵn ḷ chi tịJ̣ ṃsy	1		2014- 2015- HK02	0.0
19	13743056	ḄI Q̣ C	KḤNH	K13743	45	6.07	CACC320260	CAD/CAM-CNC	2		2015- 2016- HK01	2.3
							ECCC310360	Tḥ Nghị m CAD/CAM-CNC (C̣)	1		2015- 2016- HK01	0.0
							ENMA22012 6	Ṿđ lị ụ ḥ c	2		2015- 2016- HK02	3.0
							FAIN420960	Tḥ c ṭđp̣ í ṭ nghị p	2		-	0.0
							FMMT33082 5	Cḥ ṣ c̣ ng ngḥ cḥJṭḅ ṃsy	3		2015- 2016- HK01	0.0
							MATH130101	Tọn cao c̣đp̣ A1	3		-	0.0
							MATH130201	Tọn cao c̣đp̣ A2	3		2013- 2014- HK01	2.5
							MATH130401	X̣sc sụđ tḥ ng ḳ ng ḍ ng	3		2015- 2016- HK02	1.0
							MMAT43152 5	C̣ ng ngḥ cḥJṭḅ ṃsy	3		-	0.0
							MTNC340925	Ṃsy ṿ ḥ tḥ ng Lị Q̣ khị Ṿ ṣ	4		2015- 2016- HK01	0.8
							PHED110715	Gịso ḍ c tḥ Ẉḥđ̣3	1		-	0.0
							PHYS120202	Ṿđ ḷ Ḷ c̣ng 2	2		-	0.0
							PHYS130102	Ṿđ ḷ Ḷ c̣ng 1	3		2015- 2016- HK01	3.8
							PMMT41162 5	̣ ̣ ̣ n C̣ ng ngḥ cḥJṭḅ ṃsy	1		-	0.0
							STMA230521	Ṣ c ḅ Q̣ ṿđ lị u	3		-	0.0

STT	Mã SV	H v t n		T n l p	STC	TBTL	Mã MHBB	T n m n h c	TC	BBTC	NHHK	n TK
19	13743056	B I Q C	KHÁNH	K13743	45	6.07	STOG321160	Chuy n LQ t nghi p 2	2		-	0.0
							STOG331060	Chuy n LQ t nghi p 1	3		-	0.0
							THME230721	Ch l thuyJ	3		2015-2016-HK01	1.8
							TMMP210220	n sn nguy n l chi tiJ m sy	1		2014-2015-HK02	0.0
							TMMP230220	Nguy n l - Chi tiJ m sy	3		-	0.0
							TPRA340760	Th c t d p ch kh n ng cao 1	4		2015-2016-HK01	0.0
							VBPR131085	L d p tr nh Visual Basic	3		2013-2014-HK01	3.1
							02	Nhóm TC 02		02		
							03	Nhóm TC 03		03		
							05	Nhóm TC 05T		05		
							06	Nhóm TC 06T		06		
							07	Nhóm TC 07T		07		
							08	Nhóm TC 08		08		
20	13743057	V DUY	KHOA	K13743	105	6.23	CACC320260	CAD/CAM-CNC	2		2015-2016-HK01	4.3
							MMAT431525	C ng nghi chJt b m sy	3		2015-2016-HK02	3.6
							STMA230521	S c bQ v d l u	3		2015-2016-HK02	4.3
							STOG321160	Chuy n LQ t nghi p 2	2		2015-2016-HK02	3.8
21	13743011	NGUY wN TH e	L CH	K13743	72	6.23	ENMA220126	V d l u h c	2		-	0.0

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	STC	TBTL	Mã MHBB	Tên môn học	TC	BBTC	NHHK	Điểm TK
21	13743011	NGUYỄN THỊ	Lớp CH	K13743	72	6.23	FMMT330825	Chức năng nghề nghiệp	3		2015-2016-HK01	1.0
							MATH130101	Toán cao cấp A1	3		2013-2014-HK01	4.3
							MMAT431525	Công nghệ chế tạo máy	3		-	0.0
							MTNC340925	Máy và hệ thống lái khi lái	4		2015-2016-HK01	4.8
							PHYS120202	Vật lý Lượng tử 2	2		2015-2016-HK02	4.8
							PHYS130102	Vật lý Lượng tử 1	3		2015-2016-HK02	2.8
							STMA230521	Sự biến đổi vật lý	3		2015-2016-HK02	3.0
							STOG321160	Chuyên đề Kỹ thuật p 2	2		-	0.0
							STOG331060	Chuyên đề Kỹ thuật p 1	3		-	0.0
							THME230721	Chế tạo máy	3		-	0.0
							TMMP210220	Nghiên cứu lý thuyết máy	1		2014-2015-HK02	0.0
							TMMP230220	Nghiên lý - Chi tiết máy	3		2015-2016-HK02	3.3
							VBPR131085	Lập trình Visual Basic	3		2013-2014-HK01	0.2
							03	Nhóm TC 03		03		
							05	Nhóm TC 05T		05		
22	13743065	NGUYỄN NGUYỄN C	LUYỆN	K13743	115	6.49	TMMP210220	Nghiên cứu lý thuyết máy	1		2014-2015-HK02	4.5

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	STC	TBTL	Mã MHBB	Tên môn học	TC	BBTC	NHHK	Điểm TK
23	13743923	VŨ THÀNH LÊ PHÚC	LÝ	K13743	109	6.54	MMAT431525	Công nghệ chế tạo máy	3		2015-2016-HK02	2.4
							MPRA340860	Thị trường chứng khoán 2	4		-	0.0
							PMMT411625	Năng lực Công nghệ chế tạo máy	1		-	0.0
							STMA230521	Sức bền vật lý	3		2015-2016-HK02	3.3
							STOG321160	Chuyên đề thực tập 2	2		-	0.0
							THME230721	Chế độ thủy lực	3		2015-2016-HK02	1.4
							TMMP210220	Năng lực chuyên môn kỹ thuật máy	1		-	0.0
24	13743069	TRẦN VĂN	NAM	K13743	90	6.41	CACC320260	CAD/CAM-CNC	2		2015-2016-HK01	4.3
							MMAT431525	Công nghệ chế tạo máy	3		2015-2016-HK02	2.5
							MTNC340925	Máy và hệ thống lái khi vận hành	4		2015-2016-HK01	1.8
							PHYS130102	Vật lý Lượng tử 1	3		2014-2015-HK02	4.8
							PMMT411625	Năng lực Công nghệ chế tạo máy	1		2015-2016-HK02	0.0
							STMA230521	Sức bền vật lý	3		2015-2016-HK02	2.4
							STOG331060	Chuyên đề thực tập 1	3		-	0.0
							TMMP210220	Năng lực chuyên môn kỹ thuật máy	1		2014-2015-HK02	0.0

STT	Mã SV	H v t n		T n l p	STC	TBTL	Mã MHBB	T n m n h c	TC	BBTC	NHHK	TK
24	13743069	TR iN V N	NAM	K13743	90	6.41	VBPR131085	L p tr nh Visual Basic	3		2014-2015-HK02	2.2
							05	Nhóm TC 05T		05		
25	13743915	PH y M HO e NG Q C	NGHI	K13743	57	6.58	CACC320260	CAD/CAM-CNC	2		-	0.0
							EDDG230120	H nh h a - V k: thu t	3		2013-2014-HK02	0.0
							ENMA220126	V t l u h c	2		-	0.0
							EWEP210426	Th c t p h n L n	1		2014-2015-HK01	0.0
							EXMM210460	Th ngh i m Lo l e ng ch kh	1		2014-2015-HK01	0.0
							FMMT330825	Ch s c ng ngh ch/Jt b m y	3		2015-2016-HK01	3.8
							INME130125	Nh p m n c ng ngh k: thu t	3		-	0.0
							LLCT120314	T e e ng H Ch Minh	2		2013-2014-HK02	0.0
							MATH130101	To n cao c p A1	3		2013-2014-HK02	0.0
							METE211260	Th ngh i m ch h c (C)	1		2014-2015-HK01	0.0
							MMAT431525	C ng ngh ch/Jt b m y	3		2015-2016-HK02	0.0
							MTNC340925	M y v h th ng Li Q khi s	4		2015-2016-HK01	0.5
							PHED110613	Gi o d c th Wch l 2	1		-	0.0
							PHED110715	Gi o d c th Wch l 3	1		-	0.0

STT	Mã SV	H v t n		T n l p	STC	TBTL	Mã MHBB	T n m n h c	TC	BBTC	NHHK	n TK
25	13743915	PH M HO NG Q C	NGHI	K13743	57	6.58	PHYS130102	V t l L c ng 1	3		2013- 2014- HK02	0.0
							PMMT41162 5	n n C ng ngh chJt m sy	1		-	0.0
							STMA230521	S c bQ v t l u	3		2014- 2015- HK02	1.5
							STOG321160	Chuy n LQt t nghi p 2	2		-	0.0
							STOG331060	Chuy n LQt t nghi p 1	3		2015- 2016- HK02	0.8
							THME230721	Ch l thuy J	3		-	0.0
							VBPR131085	L p tr nh Visual Basic	3		-	0.0
							01	Nhóm TC 01		01		
							05	Nhóm TC 05T		05		
							06	Nhóm TC 06T		06		
26	13743013	TRh NG TH NH	NH T	K13743	105	6.25	MMAT43152 5	C ng ngh chJt m sy	3		-	0.0
							PMMT41162 5	n n C ng ngh chJt m sy	1		2015- 2016- HK02	0.0
							STMA230521	S c bQ v t l u	3		2015- 2016- HK02	2.2
							TMMP21022 0	n n nguy n l chi ti m sy	1		2014- 2015- HK02	0.0
							05	Nhóm TC 05T		05		
27	13743014	Vi H U	NH N	K13743	113	6.31	STOG321160	Chuy n LQt t nghi p 2	2		2015- 2016- HK02	4.5
							TMMP21022 0	n n nguy n l chi ti m sy	1		2014- 2015- HK02	4.5

STT	Mã SV	H ̣ v ̣ t ̣ n		T ̣ n l ̣ p	STC	TBTL	Mã MHBB	T ̣ n m ̣ n h ̣ c	TC	BBTC	NHHK	̣ TK
28	13743015	L ̣ H ̣ U	PH ̣ NG	K13743	66	6.29	CACC320260	CAD/CAM-CNC	2		2015-2016-HK01	4.5
							FAIN420960	Th ̣ c t ̣ p t ̣ t nghi ̣ p	2		2015-2016-HK02	0.0
							FMMT330825	Ch ̣ s ̣ c ̣ 1 ng nghi ̣ ch/Jt ̣ b m ̣ sy	3		2015-2016-HK01	1.5
							MATH130101	To ̣ n cao c ̣ b ̣ A1	3		-	0.0
							MATH130201	To ̣ n cao c ̣ b ̣ A2	3		2014-2015-HK02	4.3
							MMAT431525	C ̣ 1 ng nghi ̣ ch/Jt ̣ b m ̣ sy	3		2015-2016-HK02	0.4
							MTNC340925	M ̣ sy v ̣ h ̣ th ̣ ng L ̣ Q khi v ̣ s ̣	4		2015-2016-HK01	2.0
							PHYS110302	Th ̣ 2 nghi ̣ m v ̣ t l ̣ L ̣ c ̣ ng	1		2014-2015-HK01	4.0
							PHYS120202	V ̣ t l ̣ L ̣ c ̣ ng 2	2		2015-2016-HK02	4.0
							PHYS130102	V ̣ t l ̣ L ̣ c ̣ ng 1	3		2014-2015-HK02	4.0
							PMMT411625	̣ ̣ ̣ n C ̣ 1 ng nghi ̣ ch/Jt ̣ b m ̣ sy	1		2015-2016-HK02	0.0
							STMA230521	S ̣ c b ̣ Q v ̣ t l ̣ u	3		2015-2016-HK02	2.4
							STOG321160	Chuy ̣ n L ̣ Q t ̣ t nghi ̣ p 2	2		2015-2016-HK02	4.3
							STOG331060	Chuy ̣ n L ̣ Q t ̣ t nghi ̣ p 1	3		2015-2016-HK02	0.5

STT	Mã SV	H ̣ v ̣ t ̣ n		T ̣ n l ̣ p	STC	TBTL	Mã MHBB	T ̣ n m ̣ n h ̣ c	TC	BBTC	NHHK	̣ TK
28	13743015	Lạ H ̣ U	PH ̣ NG	K13743	66	6.29	THME230721	Ch ̣ l ̣ thuy ̣	3		2015-2016-HK02	2.5
							TMMP210220	̣ ̣ ̣ ̣ n nguy ̣ n l ̣ ch ̣ ti ̣ m ̣ y	1		2014-2015-HK02	4.5
							TMMP230220	Nguy ̣ n l ̣ - Ch ̣ ti ̣ m ̣ y	3		2014-2015-HK02	3.8
							02	Nhóm TC 02		02		
							03	Nhóm TC 03		03		
							05	Nhóm TC 05T		05		
29	13743077	HU ̣ NH THANH	QUÂN	K13743	95	6.53	CACC320260	CAD/CAM-CNC	2		2015-2016-HK01	4.8
							ENMA220126	V ̣ t l ̣ u h ̣ c	2		2015-2016-HK02	4.7
							MATH130101	To ̣ n cao c ̣ p A1	3		2014-2015-HK01	4.0
							MATH130201	To ̣ n cao c ̣ p A2	3		-	0.0
							MMAT431525	C ̣ ng ngh ̣ ch ̣ t ̣ m ̣ y	3		2015-2016-HK02	3.4
							PMMT411625	̣ ̣ ̣ ̣ n C ̣ ng ngh ̣ ch ̣ t ̣ m ̣ y	1		2015-2016-HK02	0.0
							STMA230521	S ̣ c b ̣ n v ̣ t l ̣ u	3		-	0.0
							THME230721	Ch ̣ l ̣ thuy ̣	3		2014-2015-HK01	2.7
							TMMP210220	̣ ̣ ̣ ̣ n nguy ̣ n l ̣ ch ̣ ti ̣ m ̣ y	1		2014-2015-HK02	0.0
30	13743079	NGUY ̣ N NG ̣ C	QUÝ	K13743	109	6.53	MMAT431525	C ̣ ng ngh ̣ ch ̣ t ̣ m ̣ y	3		2015-2016-HK02	2.0

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	STC	TBTL	Mã MHBB	Tên môn học	TC	BBTC	NHHK	Điểm TK
30	13743079	NGUYỄN NGUYỄN C	QUÝ	K13743	109	6.53	PHYS110302	Thuyết tương đối và Điện từ trường	1		2015-2016-HK02	4.0
							TMMP210220	Nguyên lý chi tiết máy	1		2014-2015-HK02	4.5
							03	Nhóm TC 03		03		
31	13743016	NGUYỄN QUANG	QUYÊN	K13743	110	6.35	CACC320260	CAD/CAM-CNC	2		2015-2016-HK01	4.3
							PHYS130102	Vật lý Công 1	3		2014-2015-HK01	4.5
							TMMP210220	Nguyên lý chi tiết máy	1		2014-2015-HK02	0.0
32	13743017	NGUYỄN VĂN	TÂM	K13743	112	6.46	STMA230521	Số học và lý số	3		2015-2016-HK02	4.2
33	13743021	NGUYỄN HUYỀN	TIÊN	K13743	84	6.24	ENMA220126	Vật lý học	2		2015-2016-HK02	4.5
							FMMT330825	Chức năng kỹ thuật máy	3		2015-2016-HK01	3.5
							MATH130201	Toán cao cấp A2	3		2013-2014-HK01	3.2
							MMAT431525	Công nghệ chế tạo máy	3		2015-2016-HK02	2.3
							PHYS120202	Vật lý Công 2	2		2014-2015-HK02	2.8
							PHYS130102	Vật lý Công 1	3		2014-2015-HK01	4.8
							PMMT411625	Nguyên lý Công nghệ chế tạo máy	1		2015-2016-HK02	0.0

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	STC	TBTL	Mã MHBB	Tên môn học	TC	BBTC	NHHK	Điểm TK
33	13743021	NGUYỄN HUYỀN NH	Tiếng N	K13743	84	6.24	STMA230521	Số học và Đại số	3		2015-2016-HK02	1.6
							STOG331060	Chuyên đề Toán học 1	3		2015-2016-HK02	4.0
							THME230721	Chemistry	3		2015-2016-HK02	4.8
							TMMP230220	Ngôn ngữ - Văn học	3		2014-2015-HK02	4.5
							CACC320260	CAD/CAM-CNC	2		2015-2016-HK01	4.8
34	13743099	NGUYỄN H. U	Tiếng N	K13743	104	6.46	FMMT330825	Chức năng của cơ thể	3		2015-2016-HK01	3.5
							MMAT431525	Công nghệ chế tạo máy	3		2015-2016-HK02	2.8
							PMMT411625	Nguyên lý Công nghệ chế tạo máy	1		2015-2016-HK02	0.0
							TMMP210220	Nguyên lý chi tiết máy	1		2014-2015-HK02	0.0
							VBPR131085	Lập trình Visual Basic	3		2013-2014-HK01	4.1
35	13743110	LÊ ANH	Tiếng N	K13743	112	6.98	MMAT431525	Công nghệ chế tạo máy	3		2015-2016-HK02	4.9
36	13743108	PHỖ M ANH	Tiếng N	K13743	114	6.50	PMMT411625	Nguyên lý Công nghệ chế tạo máy	1		2015-2016-HK02	0.0
37	13743112	TRẦN VĂN	Tiếng N	K13743	98	6.48	FMMT330825	Chức năng của cơ thể	3		2015-2016-HK02	2.5

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	STC	TBTL	Mã MHBB	Tên môn học	TC	BBTC	NHHK	Điểm TK
37	13743112	TRẦN VĂN	TÙNG	K13743	98	6.48	MATH130401	Xác suất thống kê ứng dụng	3		2015-2016-HK02	4.8
							MMAT431525	Công nghệ chế tạo máy	3		2015-2016-HK02	3.8
							PHYS120202	Vật lý Lượng tử 2	2		2014-2015-HK01	4.8
							STOG331060	Chuyên đề Thực tập 1	3		2015-2016-HK02	4.0
							VBPR131085	Lập trình Visual Basic	3		2014-2015-HK02	4.2
38	13743098	Lê NGUYỄN THANH	TÙNG	K13743	85	6.47	MATH130101	Toán cao cấp A1	3		-	0.0
							MATH130201	Toán cao cấp A2	3		2013-2014-HK01	4.0
							MMAT431525	Công nghệ chế tạo máy	3		2015-2016-HK02	4.1
							PHYS130102	Vật lý Lượng tử 1	3		2015-2016-HK01	4.8
							PMMT411625	Nguồn C1 công nghệ chế tạo máy	1		2015-2016-HK02	0.0
							STMA230521	Sơ cấp Kỹ thuật	3		-	0.0
							THME230721	Chế tạo thủy lực	3		2014-2015-HK01	2.1
							TMMP210220	Nguồn nguyên liệu chi tiết máy	1		2014-2015-HK02	0.0
							TMMP230220	Nguyên lý - Chi tiết máy	3		2014-2015-HK02	4.3

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	STC	TBTL	Mã MHBB	Tên môn học	TC	BBTC	NHHK	Điểm TK
38	13743098	Lê NGUYỄN THANH	TÙNG	K13743	85	6.47	VBPR131085	Lập trình Visual Basic	3		2013-2014-HK01	2.8
							02	Nhóm TC 02		02		
							08	Nhóm TC 08		08		
39	13743086	Nguyễn Ngọc Cảnh	THÀNH	K13743	93	6.53	CACC320260	CAD/CAM-CNC	2		-	0.0
							FMMT330825	Chức năng nghề chế tạo máy	3		2015-2016-HK01	2.0
							MATH130101	Toán cao cấp A1	3		2013-2014-HK01	4.3
							MMAT431525	Công nghệ chế tạo máy	3		2015-2016-HK02	1.7
							PHYS130102	Vật lý Lượng tử 1	3		2014-2015-HK02	3.8
							PMMP411625	Nguyên lý Công nghệ chế tạo máy	1		2015-2016-HK02	0.0
							STMA230521	Sức bền vật lý II	3		2014-2015-HK02	4.3
							STOG321160	Chuyên đề Kỹ thuật p 2	2		2015-2016-HK02	4.3
							TMMP210220	Nguyên lý chi tiết máy	1		2014-2015-HK02	0.0
							03	Nhóm TC 03		03		
40	13743019	NGUYỄN	THÀNH	K13743	111	6.37	MMAT431525	Công nghệ chế tạo máy	3		2015-2016-HK02	4.8
							THME230721	Chế tạo thủy lực	3		2015-2016-HK01	4.9
41	13743020	HOàng Việt Nam	THị Ngọc	K13743	109	6.85	FMMT330825	Chức năng nghề chế tạo máy	3		2015-2016-HK	4.3

STT	Mã SV	H ^o v ^o t ^o n		T ^o n l ^o p	STC	TBTL	Mã MHBB	T ^o n m ^o n ^o h ^o c	TC	BBTC	NHHK	η TK
41	13743020	HOê NG Vt N	THh ư NG	K13743	109	6.85	MMAT43152 5	C ^o ng ngh ^o chJt ^o b mşy	3		2015- 2016- HK02	4.3
42	13743101	Vi Vt N	TR ^o NG	K13743	66	6.81	EDDG230120	H ^o nh h ^o a - VE k: thuđt	3		2013- 2014- HK02	0.0
							ENMA22012 6	Vđt li ^o u h ^o c	2		2015- 2016- HK02	3.0
							FAIN420960	Th ^o c tđp t ^o t nghi ^o p	2		2015- 2016- HK02	0.0
							FMMT33082 5	Ch ^o s ^o c ^o ng ngh ^o chJt ^o b mşy	3		2015- 2016- HK01	2.0
							LLCT120314	T ^o ct ^o É ng H ^o Ch ^o Minh	2		-	0.0
							MATH130101	Toşn cao ch ^o p A1	3		2013- 2014- HK01	0.9
							MATH130401	Xşc su ^o li ^o th ^o ng k ^o ng d ^o ng	3		2013- 2014- HK02	4.8
							METE330126	C ^o ng ngh ^o kim lo ^o i	3		2014- 2015- HK02	2.0
							MMAT43152 5	C ^o ng ngh ^o chJt ^o b mşy	3		2015- 2016- HK02	0.0
							PHED110613	Gişo d ^o c th ^o ch ^o li ^o 2	1		2013- 2014- HK02	3.0
							PHED110715	Gişo d ^o c th ^o ch ^o li ^o 3	1		2015- 2016- HK02	0.0
							PHYS120202	Vđt li ^o L ^o i c ^o ng 2	2		2014- 2015- HK01	1.5
							PHYS130102	Vđt li ^o L ^o i c ^o ng 1	3		2013- 2014- HK02	2.3

STT	Mã SV	H ̣ ṿ ṭn		Ṭn ḷ p	STC	TBTL	Mã MHBB	Ṭn ṃ¹ ṇ ḥ c	TC	BBTC	NHHK	̣ TK
42	13743101	Vĩ Vĩ N	TṚ NG	K13743	66	6.81	PMMT411625	̣ ̣ ̣n C¹ ng ngh' ch/Jṭb ṃsy	1		-	0.0
							STMA230521	Ṣ c bQ̣ ṿđ lĩ u	3		2014-2015-HK01	2.0
							STOG321160	Chuỵn LQ̣ ṭ nghi' p 2	2		-	0.0
							THME230721	Ch lĩ thuy/J̣	3		2014-2015-HK01	3.6
							TMMP210220	̣ ̣ ̣n nguỵn lĩ chi ti/J̣ ṃsy	1		2014-2015-HK02	0.0
							TMMP230220	Nguỵn lĩ - Chi ti/J̣ ṃsy	3		2014-2015-HK02	3.3
							02	Nhóm TC 02		02		
							06	Nhóm TC 06T		06		
							08	Nhóm TC 08		08		
43	13743022	̣ INH Vĩ N	TRÚC	K13743	80	6.61	CACC320260	CAD/CAM-CNC	2		2015-2016-HK01	4.5
							FMMT330825	Ch s' c¹ ng ngh' ch/Jṭb ṃsy	3		2015-2016-HK01	2.8
							MATH130101	Tọn cao c̣p̣ A1	3		2013-2014-HK01	3.5
							MATH130201	Tọn cao c̣p̣ A2	3		2013-2014-HK01	4.7
							MMAT431525	C¹ ng ngh' ch/Jṭb ṃsy	3		2015-2016-HK02	1.9
							PHYS120202	Ṿđ lĩ Ḷĩ c̣ng 2	2		2014-2015-HK01	3.3
							PHYS130102	Ṿđ lĩ Ḷĩ c̣ng 1	3		2013-2014-HK02	3.8

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	STC	TBTL	Mã MHBB	Tên môn học	TC	BBTC	NHHK	Điểm TK
43	13743022	Nguyễn Văn N	TRÚC	K13743	80	6.61	PMMT411625	Nguyên C ¹ ngành Nghề chế biến thực phẩm	1		2015-2016-HK02	0.0
							THME230721	Chemistry	3		-	0.0
							TMMP210220	Nguyên lý cơ bản về điện	1		2014-2015-HK02	0.0
							TMMP230220	Nguyên lý - Điện tử	3		2014-2015-HK02	4.3
							VBPR131085	Lập trình Visual Basic	3		2013-2014-HK01	3.9
							05	Nhóm TC 05T		05		
							06	Nhóm TC 06T		06		
44	13743103	NGUYỄN QUANG C	TRUNG	K13743	114	6.81	PMMT411625	Nguyên C ¹ ngành Nghề chế biến thực phẩm	1		2015-2016-HK02	0.0
							TMMP210220	Nguyên lý cơ bản về điện	1		2014-2015-HK02	0.0
45	13743023	LÊ QUANG	VINH	K13743	24	5.78	FMMT330825	Chức năng nghề chế biến thực phẩm	3		-	0.0
							LLCT120314	Tổng hợp Hóa học 2 Minh	2		2015-2016-HK01	0.0
							LLCT230214	Nguyên lý cơ bản về điện, an toàn điện, công suất điện	3		2015-2016-HK02	0.0
							MATE211126	Thế giới môi trường và lịch sử	1		-	0.0
							MATH130101	Toán cao cấp A1	3		2013-2014-HK01	2.0
							MATH130201	Toán cao cấp A2	3		2015-2016-HK01	2.5
							MATH130401	Xác suất thống kê ứng dụng	3		2013-2014-HK02	4.5

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	STC	TBTL	Mã MHBB	Tên môn học	TC	BBTC	NHHK	Điểm TK
45	13743023	LÊ QUANG	VINH	K13743	24	5.78	METE330126	Công nghệ kim loại	3		-	0.0
							MMAT431525	Công nghệ chế tạo máy	3		-	0.0
							MPRA340860	Thị trường chứng khoán 2	4		-	0.0
							MTNC340925	Máy và hệ thống Liquefaction	4		-	0.0
							PHED110715	Giáo dục thể chất III	1		-	0.0
							PHYS120202	Vật lý Công 2	2		-	0.0
							PHYS130102	Vật lý Công 1	3		2013-2014-HK02	3.0
							PMMT411625	Năng suất công nghệ chế tạo máy	1		-	0.0
							STMA230521	Sức bền vật lý	3		-	0.0
							STOG321160	Chuyên đề Kỹ thuật p 2	2		-	0.0
							STOG331060	Chuyên đề Kỹ thuật p 1	3		-	0.0
							THME230721	Chế tạo máy	3		2014-2015-HK01	2.0
							CACC320260	CAD/CAM-CNC	2		-	0.0
							ECCC310360	Thực hành CAD/CAM-CNC (CNC)	1		-	0.0
							ENMA220126	Vật lý học	2		-	0.0
							FAIN420960	Thị trường chứng khoán	2		-	0.0
							TMMP210220	Năng suất nguyên lý chi tiết máy	1		-	0.0
							TMMP230220	Nguyên lý - Chi tiết máy	3		-	0.0
							TPRA340760	Thị trường chứng khoán 1	4		-	0.0
							VBPR131085	Lập trình Visual Basic	3		2013-2014-HK01	3.1
							02	Nhóm TC 02		02		
							03	Nhóm TC 03		03		
							05	Nhóm TC 05T		05		

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	STC	TBTL	Mã MHBB	Tên môn học	TC	BBTC	NHHK	Điểm TK
45	13743023	LÊ QUANG	VINH	K13743	24	5.78	06	Nhóm TC 06T		06		
							07	Nhóm TC 07T		07		
							08	Nhóm TC 08		08		
							09	Nhóm TC 09		09		
							10	Nhóm TC 10		10		
46	13743115	NGUYỄN NGUYỄN C	Vê	K13743	109	6.67	MATH130101	Toán cao cấp A1	3		2015-2016-HK02	4.5
							STMA230521	Số học và đại số	3		2015-2016-HK02	4.5

Ghi chú: BBTC = Tổng điểm môn MH bắt buộc tính trên 40 điểm
Lưu ý:

Nhóm TC 01 :	4 TC (Min)	
GEEC220105	Kinh tế học cơ bản (Nguyên lý kinh tế)	2
INLO220405	Nhập môn logic hình thức	2
INMA220305	Nhập môn quản trị hình thức	2
INSO321005	Nhập môn xã hội học	2
IVNC320905	Chức vụ nhân viên Văn phòng	2
PLSK320605	Kỹ năng xây dựng kế hoạch	2
SYTH220505	Tổng hợp thực hành	2
ULTE121105	Phương pháp hình thức luận	2
Nhóm TC 02 :	5 TC (Min)	
CADM230320	Nguyên lý và kỹ thuật trình bày (CAD) Auto CAD trên máy tính	3
EEEE230229	TNK: thuật toán - Lý thuyết	3
EEEN230129	K: thuật toán và ứng dụng	3
ENVI320921	Đạo đức trong kỹ thuật (Chức vụ)	2
FLUI220132	Chức năng của các bộ phận	2
THER222932	K: thuật toán	2

Nhóm TC 03 : 3 TC (Min)		
EIMA310625	Th ² nghi ¹ m b ¹ o tr ³ v ² b ¹ o d ⁴ ng c ¹ ng nghi ¹ p	1
EIMA310660	Th ² nghi ¹ m b ¹ o tr ³ v ² b ¹ o d ⁴ ng c ¹ ng nghi ¹ p	1
IMAS320525	B ¹ o tr ³ v ² b ¹ o d ⁴ ng c ¹ ng nghi ¹ p	2
Nhóm TC 04T : 2 TC (Min)		
MHAP120160	Th ¹ c tđp ngu ¹ i (Cao L ³ ng TT Vi ¹ t n ² c)	2
MHAP120227	Th ¹ c tđp Ngu ¹ i (CKM, C ¹ T, KTCK, SPKT CKM, SPKT C ¹ T)	2
Nhóm TC 05T : 3 TC (Min)		
ENGL330337	Anh V ¹ En 3	3
ENGL330637	Anh v ¹ En 3 (C ¹)	3
Nhóm TC 06T : 3 TC (Min)		
ENGL230237	Anh v ¹ En 2	3
ENGL230537	Anh v ¹ En 2 (C ¹)	3
Nhóm TC 07T : 3 TC (Min)		
ENGL130137	Anh V ¹ En 1	3
ENGL130437	Anh v ¹ En 1 (C ¹)	3
Nhóm TC 08 : 2 TC (Min)		
TOMT220125	Dung sai k: thuđt L ¹ o ₂	2
TOMT220225	Dung sai-K: thuđt L ¹ o	2
Nhóm TC 09 : 2 TC (Min)		
BAMP220360	Th ¹ c tđp ch kh ² ch b ¹ h 2 (C ¹)	2
BAMP220660	Th ¹ c tđp ch kh ² ch b ¹ h 2 (C ¹)	2
Nhóm TC 10 : 3 TC (Min)		
BATP230260	Th ¹ c tđp ch kh ² ch b ¹ h 1 (CKCTM - C ¹)	3
BATP230560	Th ¹ c tđp ch kh ² ch b ¹ h 1 (C ¹)	3